

Bản án số: 86/2024/DS-ST
Ngày: 30/9/2024
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Thanh Quyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Trường

Ông Lê Văn Qui

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Diễm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 102/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 236/2024/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 198/2024/QĐST-DS ngày 13 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Đặng Thị Kiều D, sinh năm 1981; Địa chỉ: khóm D, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

1.2. Ông Nguyễn Quốc D1, sinh năm 1976; Địa chỉ: khóm D, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1996 - Là người đại diện theo ủy quyền theo Văn bản ủy quyền ngày 07/7/2023; Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Lâm Thanh L, sinh năm 1970; Địa chỉ: ấp G, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

2.2. Bà **Trần Thị T**, sinh năm 1981; Địa chỉ: **ấp G, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang** (vắng mặt).

2.3. Bà **Nguyễn Thị S**, sinh năm 1935; Địa chỉ: **ấp G, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang** (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà **Đặng Thị Kiều D**, ông **Nguyễn Quốc D1** (có người đại diện theo ủy quyền ông **Nguyễn Văn N**) trình bày: Ngày 14/11/2018, các bị đơn gồm ông **Lâm Thanh L**, bà **Trần Thị T** và bà **Nguyễn Thị S** có vay của nguyên đơn số tiền 190.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng, thời hạn vay là 10 ngày sẽ trả lại tiền vay, lãi suất do hai bên thỏa thuận. Các bên có làm biên nhận có ông **Lâm Thanh L**, bà **Trần Thị T** và bà **Nguyễn Thị S** ký tên và ông **Lâm Thanh L** là người viết biên nhận. Đối với ông **Lâm Văn B** phần nội dung biên nhận có đề tên ông **B** nhưng ông **B** không có ký tên nên nguyên đơn không khởi kiện ông **B**. Sau 10 ngày kể từ thời điểm vay đến nay nguyên đơn không trả gốc và lãi. Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả gốc và lãi tính từ ngày 14/11/2018 đến thời điểm xét xử, lãi suất là 1%/tháng, tương ứng 12%/năm. Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể xác định thời gian tính lãi từ ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày 25/11/2018 đến thời điểm xét xử, mức lãi suất là 10%/năm và yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc là 190.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông **Lâm Thanh L**, bà **Trần Thị T** và bà **Nguyễn Thị S** vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Đặng Thị Kiều D**, ông **Nguyễn Quốc D1**, buộc bị đơn ông **Lâm Thanh L**, bà **Trần Thị T** và bà **Nguyễn Thị S** cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà **Đặng Thị Kiều D**, ông **Nguyễn Quốc D1** số tiền 300.652.833 đồng, trong đó có 190.000.000 đồng tiền gốc và 110.652.833 đồng tiền lãi. Về án phí dân sự sơ thẩm, các bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật. Về chi phí trưng cầu giám định, nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ đã thể hiện trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu trả lại số tiền đã vay, bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn **thị xã L**. Do đó, đây là “Tranh chấp hợp

đồng vay tài sản”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông **Lâm Thanh L**, bà **Trần Thị T** và bà **Nguyễn Thị S** đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền 190.000.000 đồng đã vay và yêu cầu bị đơn trả lãi phát sinh. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã cung cấp biên nhận ngày 14/11/2018 do ông **Lâm Thanh L** viết; đồng thời ông **Lâm Thanh L**, bà **Trần Thị T** và bà **Nguyễn Thị S** có ký tên vào biên nhận nêu trên. Mặc dù, bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nhưng trước đây bị đơn đã tham gia các vụ kiện khác do Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết trong biên nhận ngày 14/11/2018, căn cứ vào Kết luận giám định số 3234/KL-KTHS ngày 16/8/2024 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh xác định chữ viết, chữ ký trong biên nhận so với các mẫu so sánh chữ viết ông **Lâm Thanh L** là do một người viết, ký ra; chữ ký của **Trần Thị T** và **Nguyễn Thị S** so với các mẫu so sánh chữ ký của **Trần Thị T** và **Nguyễn Thị S** là do một người ký ra. Thêm vào đó, Tòa án đã tiến hành Thông báo về kết quả phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo Thông báo số 80/TB-TA ngày 20/8/2024 nhưng các bị đơn ông **Lâm Thanh L**, bà **Trần Thị T** và bà **Nguyễn Thị S** vẫn không có ý kiến phản đối. Căn cứ vào khoản 2, khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự “2. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”, “4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”. Như vậy, có căn cứ để Hội đồng xét xử xác định việc các bị đơn ông **Lâm Thanh L**, bà **Trần Thị T** và bà **Nguyễn Thị S** có vay tiền của nguyên đơn theo biên nhận ngày 14/11/2018 là sự thật. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 190.000.000 đồng tiền gốc là có căn cứ.

Về lãi suất: Theo biên nhận ngày 14/11/2018 thể hiện mục đích vay tiền để đáo hạn ngân hàng, các bên thỏa thuận 10 ngày sẽ trả nợ. Như vậy, thời gian vi phạm nghĩa vụ được tính từ ngày 25/11/2018, do đó nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 25/11/2018 đến thời điểm xét xử là có cơ sở. Căn cứ vào khoản 1 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 “Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả”. Mức lãi suất theo khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là 10%/năm. Cụ thể số tiền lãi được tính như sau:

190.000.000 đồng x 05 năm 10 tháng 05 ngày (Từ ngày 25/11/2018 đến 30/9/2024) x 10%/năm = 110.652.833 đồng.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử buộc bị đơn ông **Lâm Thanh L**, bà **Trần Thị T** và bà **Nguyễn Thị S** cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà **Đặng Thị Kiều D**, ông **Nguyễn Quốc D1** tổng số tiền 300.652.833 đồng, trong đó có 190.000.000 đồng tiền gốc và 110.652.833 đồng tiền lãi.

[5] Xét thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

[7] Về chi phí trưng cầu giám định: số tiền 5.000.000 đồng, tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn tự nguyện chịu số tiền này. Nguyên đơn đã nộp xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Đặng Thị Kiều D**, ông **Nguyễn Quốc D1**.

[2] Buộc bị đơn ông **Lâm Thanh L**, bà **Trần Thị T** và bà **Nguyễn Thị S** cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà **Đặng Thị Kiều D**, ông **Nguyễn Quốc D1** tổng số tiền 300.652.833 đồng (Ba trăm triệu, sáu trăm năm mươi hai nghìn, tám trăm ba mươi ba đồng), trong đó có 190.000.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng) tiền gốc và 110.652.833 đồng (Một trăm mười triệu, sáu trăm năm mươi hai nghìn, tám trăm ba mươi ba đồng) tiền lãi suất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông **Lâm Thanh L**, bà **Trần Thị T** và bà **Nguyễn Thị S** phải chịu 15.032.641 đồng (Mười lăm triệu, không trăm ba mươi hai nghìn, sáu trăm bốn mươi một đồng).

Nguyên đơn bà **Đặng Thị Kiều D**, ông **Nguyễn Quốc D1** được nhận lại số tiền 7.362.500 đồng (Bảy triệu, ba trăm sáu mươi hai nghìn, năm trăm đồng) tiền

tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 12/2023/Q ngày 03 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

[4] Về chi phí trưng cầu giám định: số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), nguyên đơn bà **Đặng Thị Kiều D**, ông **Nguyễn Quốc D1** đã nộp xong.

[5] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[6] Nguyên đơn bà **Đặng Thị Kiều D**, ông **Nguyễn Quốc D1** được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/9/2024). Bị đơn ông **Lâm Thanh L**, bà **Trần Thị T** và bà **Nguyễn Thị S** được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Long Mỹ;
- Chi cục THADS TX Long Mỹ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Châu Thanh Quyền